

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **13/2022/DS-ST**

Ngày: 28-04-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ân và ông Vũ Xuân Tuất;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 06 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2022/QĐST- DS ngày 06 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 6, ấp Quảng P, xã Quảng T, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1992. Địa chỉ liên hệ: Đường QT06, ấp Quảng P, xã Quảng T, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Dương Thị M, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 3, thị trấn Trảng B, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Ngọc A, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 3, thị trấn Trảng B, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Ông N có mặt, còn lại đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/06/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Dương Thị M và ông Phan Ngọc A là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện TB, tỉnh Đồng Nai vào ngày 03/10/2017.

Năm 2019, bà Dương Thị M và ông Phan Ngọc A có nhận chuyển nhượng QSD thửa đất số 1540, tờ bản đồ số 9, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai của bà Nguyễn Thị H.

Thông qua bạn bè giới thiệu bà M có đến gặp và trao đổi với ông K về việc vay mượn tiền để trả lại tiền vay khi mua thửa đất số 1540, tờ bản đồ số 9, thị trấn Trảng Bom và xây dựng nhà xưởng tại khu vực lò bún, tổ 3, khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, cụ thể như sau:

Ngày 26/5/2020, bà M có vay của ông Nguyễn Thành K số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm, năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 03 tháng, kể từ ngày 26/5/2020. Lãi suất cho vay là 02%/01tháng, trả tiền lãi cuối kỳ cùng với tiền gốc. Mục đích vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh, trả tiền mua thửa đất số 1540, tờ bản đồ số 9, thị trấn Trảng Bom. Hai bên có lập giấy tờ vay mượn tại “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền”. Để chứng minh cho mục đích sử dụng tiền vay và làm tin, bà M có giao cho ông K giữ bản chính Giấy chứng nhận QSD đất số CT 550110 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/11/2019 đối với thửa đất số 1540, tờ bản đồ số 9, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 16/07/2020, bà M tiếp tục vay của ông Nguyễn Thành K số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 02 tháng, kể từ ngày 16/07/2020. Lãi suất cho vay là 02%/01tháng, trả tiền lãi cuối kỳ cùng với tiền gốc. Mục đích vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh, trả tiền mua thửa đất số 1540, tờ bản đồ số 9, thị trấn Trảng Bom. Hai bên có lập giấy tờ vay mượn tại “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền”. Hai bên tiếp tục ghi nhận duy trì việc giao, giữ bản chính Giấy chứng nhận QSD đất số CT 550110 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/11/2019 đối với thửa đất số 1540, tờ bản đồ số 9, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Đến thời hạn thanh toán tiền gốc, lãi của 02 lần vay, ông K có đến nhà gặp bà M, ông A để hỏi thúc nhưng họ lấy lý do vì dịch bệnh Covid, xưởng chưa hoạt động sản xuất được nên họ không thu hồi vốn đã đầu tư, xin gia hạn một thời gian nữa để bán thửa đất số 1540, tờ bản đồ số 9, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai sẽ trả đủ cả gốc và lãi cho ông K.

Thời gian sau ông K đi đến nhà thì không gặp được bà M, tại đây ông Phan Ngọc A chồng bà M tỏ thái độ bất hợp tác nói với ông K rằng ai vay thì tìm người đó mà đòi, ông không có liên quan gì.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom giải quyết:

Buộc bà Dương Thị M và ông Phan Ngọc A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thành K số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm, năm mươi triệu đồng) và tiền lãi kể từ ngày 16/9/2020 đến khi thanh toán xong nợ gốc với mức lãi suất là 20%/ năm theo quy định của Bộ luật dân sự 2015, tạm tính đến ngày

28/04/2022 (01 năm 07 tháng 12 ngày) là 113.166.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu là 463.166.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Ngày 06/04/2022 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Ngọc A, không yêu cầu ông Phan Ngọc A phải có nghĩa vụ liên đới với bà Dương Thị M thanh toán nợ gốc, lãi cho ông Nguyễn Thành K.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Ngọc A vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Việc vay mượn số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) giữa ông K và bà M là có thật, việc vay mượn này có lập thành hợp đồng vay mượn tiền ngày 26/5/2020 và ngày 16/7/2020 có chữ ký xác nhận của 02 bên và đã được Viện khoa học kỹ thuật hình sự tại TP. HCM giám định chữ ký chữ viết xác định chữ ký, chữ viết trong 02 Hợp đồng vay tiền là của bà Dương Thị M.

Ngày 06/04/2022 và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Ngọc A đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Dương Thị M phải trả cho ông Nguyễn Thành K số tiền 350.000.000 đồng và phải chịu lãi suất đối với số tiền vay là 350.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng NQ số 326 ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai buộc bị đơn phải nộp tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Thành K khởi kiện đối với bà Dương Thị M, hiện cư trú tại tổ 3, khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai về việc tranh chấp đối với số tiền cho vay. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp

luật cần giải quyết là “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bà Dương Thị M (Ông Phan Ngọc A chồng bà M, cư trú cùng với bà M nhận thay và cam kết giao lại cho bà M). Tuy nhiên, quá trình tố tụng bà Dương Thị M không đến Tòa án làm việc. Tòa án tiến hành xác minh kết quả như sau: Bà Dương Thị M có cư trú tại tổ 3, khu phố 3, thị trấn Trảng Bom huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nhưng không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa phương. Hiện nay, bà Dương Thị M không còn cư trú tại địa chỉ trên. Thời điểm bà M bỏ đi khỏi địa phương vào khoảng tháng 6/2021 (Sau thời điểm Tòa án thụ lý vụ án). Như vậy, trường hợp này xác định là bà M cố tình che giấu địa chỉ. Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Tại phiên tòa, bà Dương Thị M và ông Phan Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bà Dương Thị M và ông Phan Ngọc A là đúng quy định của pháp luật.

[1.4] Đại diện nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được rút một phần yêu cầu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc:*

Theo giấy vay tiền đề ngày 26/5/2020 do nguyên đơn cung cấp có nội dung:

Bên A: ông Nguyễn Thành K, bên B (bên vay) bà Dương Thị M. Ông K cho bà M vay số tiền 150.000.000 đồng. Mục đích vay tiền để kinh doanh và trả tiền mua thửa đất số 1540, tờ số 9; có thể chấp sỏ đất của thửa đất số 1540, tờ số 9. Thời hạn vay từ ngày 26/5/2020 đến ngày 26/8/2020. Lãi suất cho vay là 02%/01tháng, trả tiền lãi cuối kỳ cùng với tiền gốc. Phía dưới giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết Dương Thị M.

Theo giấy vay tiền đề ngày 16/7/2020 do nguyên đơn cung cấp có nội dung:

Bên A: ông Nguyễn Thành K, bên B (bên vay) bà Dương Thị M. Ông K cho bà M vay số tiền 200.000.000 đồng. Mục đích vay tiền để kinh doanh và trả tiền mua thửa đất số 1540, tờ số 9; có thể chấp sỏ đất của thửa đất số 1540, tờ số 9. Thời hạn vay từ ngày 16/07/2020 đến ngày 16/09/2020. Lãi suất cho vay là 02%/01tháng, trả tiền lãi cuối kỳ cùng với tiền gốc. Phía dưới giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết Dương Thị M.

Tại kết luận giám định số 4658/C09B ngày 17/11/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an kết luận: “Chữ ký

mang tên Dương Thị M, chữ viết họ tên “Dương Thị M” dưới mục “Đại diện bên B” trên 02 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký mang tên Dương Thị M, chữ viết họ tên “Dương Thị M” dưới mục: “Vợ” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, “Bên nữ” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký, viết ra”.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận giữa ông Nguyễn Thành K và bà Dương Thị M có xác lập hợp đồng vay tiền có kỳ hạn, có lãi; tính đến thời điểm khởi kiện đã quá thời hạn trả tiền vay nhưng bên vay bà Dương Thị M chưa trả toàn bộ số tiền vay cho ông Nguyễn Thành K.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, bà Dương Thị M có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Thành K số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi kể từ ngày 16/9/2020 đến khi thanh toán xong nợ gốc với lãi suất là 20%/01 năm.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì thấy mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Thời gian trả lãi kể từ ngày các bên xác lập giao dịch vay tài sản (ngày 26/5/2020), tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lãi kể từ ngày hết thời hạn vay (16/9/2020), thời hạn vay nguyên đơn không yêu cầu. Như vậy cần ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không tính lãi trong thời hạn vay.

Căn cứ Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015: Buộc bà Dương Thị M có nghĩa trả cho ông Nguyễn Thành K số tiền 113.166.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

[3] Do nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp tiền án phí. Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải nộp số tiền 22.526.600 đồng (Hai mươi hai triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành K về yêu cầu ông Phan Ngọc A có nghĩa vụ liên đới với bà Dương Thị M trả cho ông Nguyễn Thành K số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm, năm mươi triệu đồng) vay và tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành K đối với bà Dương Thị M về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Dương Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành K số tiền **463.166.000** đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Trong đó, số tiền vay là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 113.166.000 đồng (Một trăm mười ba triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị M phải nộp số tiền 22.526.600 đồng (Hai mươi hai triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Thành K số tiền 10.646.000 đồng (Mười triệu, sáu trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007655 ngày 04/06/2021 và số 0000007 ngày 18/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Duy Mạnh